

**Công ty cổ phần Môi Trường
và Công Trình Đô Thị Bắc Ninh**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **539 / CTCPMT - KTTC**
Về việc *đính chính số liệu*

Bắc Ninh, ngày...**06** tháng...**9**..năm 2018

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Nội dung: Về việc *đính chính thông tin số liệu so sánh* (ngày 03/07/2017) của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 03/07/2017 đến ngày 31/12/2017.

Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 03/07/2017 đến ngày 31/12/2017 thì số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo chưa được điều chỉnh hồi tố khi Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bắc Ninh chính thức chuyển sang hình thức công ty cổ phần tại ngày 03/07/2017.

A. SỐ LIỆU SO SÁNH TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số sau điều chỉnh 03/07/2017	Số trước điều chỉnh 03/07/2017	Điều chỉnh
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.833.497.547	56.681.526.936	151.970.611
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.753.051.459	19.601.080.848	151.970.611
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05		(151.970.611)	151.970.611
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			104.015.995.380	104.015.995.380	
II. Tài sản cố định	220		104.015.995.380	104.015.995.380	
I. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	104.015.995.380	104.015.995.380	
- Nguyên giá	222		132.207.403.037	134.053.642.947	(1.846.239.910)
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.191.407.657)	(30.037.647.567)	1.846.239.910
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			160.849.492.927	160.697.522.316	151.970.611



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Số sau điều chỉnh		Số trước điều chỉnh		Đơn vị: VND
			03/07/2017	03/07/2017	03/07/2017	Điều chỉnh	
NGUỒN VỐN							
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		24.600.323.770	41.466.322.999	(16.865.999.229)		
I. Nợ ngắn hạn	310		24.600.323.770	41.466.322.999	(16.865.999.229)		
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	6.098.653.989	22.964.653.218	(16.865.999.229)		
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		136.249.169.157	119.231.199.317	17.017.969.840		
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	57.623.010.157	40.605.040.317	17.017.969.840		
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		57.500.000.000	23.137.979.520	34.362.020.480		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		123.010.157	-	123.010.157		
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	11.229.621.339	(11.229.621.339)		
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	6.129.434.965	(6.129.434.965)		
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	108.004.493	(108.004.493)		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			160.849.492.927	160.697.522.316	151.970.611		

Ghi chú:

- Số sau điều chỉnh: là số liệu so sánh đã được đính chính lại;
- Số trước điều chỉnh: là số liệu trên Báo cáo đã phát hành.

Giải thích số liệu được điều chỉnh trên Bảng cân đối kế toán

Tại mục: V.05; V07; V10 và V13: do kiểm toán viên chưa thực hiện điều chỉnh hồi tố các bút toán kế toán theo Quyết định về phê duyệt Giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa và các quyết định khác của đơn vị chức năng khi tiến hành thẩm tra Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm Công ty chính thức chuyển sang hình thức công ty cổ phần (tại ngày 03/07/2017).

B. SỐ LIỆU SO SÁNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Số liệu trong Báo cáo đã phát hành

05. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2017		03/07/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
UBND phường Đại Phúc	279.600.000	83.880.000	(195.720.000)	195.720.000
Công ty TNHH MT Tân Trường Lộc	226.968.703	68.090.621	(158.878.082)	158.878.092
Tổng cộng	279.600.000	83.880.000	(195.720.000)	195.720.000
				(83.880.000)

07. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Công trình PLCC	Cộng
Nguyên giá						
<i>Dư đầu năm</i>	27.233.602.655	3.552.650.000	24.272.119.456	369.111.836	78.626.159.000	134.053.642.947
<i>Tăng trong năm</i>	-	-	6.011.818.181	-	-	6.011.818.181
- Mua sắm mới	-	-	6.011.818.181	-	-	6.011.818.181
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	1.846.239.910	-	-	1.846.239.910
- Trả lại nhà nước	-	-	1.846.239.910	-	-	1.846.239.910
<i>Dư cuối năm</i>	27.233.602.655	3.552.650.000	28.437.697.727	369.111.836	78.626.159.000	138.219.221.218
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Dư đầu năm</i>	12.763.191.421	636.456.942	16.432.375.007	205.624.197	-	30.037.647.567
<i>Tăng trong năm</i>	1.529.049.036	120.329.166	1.199.137.465	28.468.488	-	2.876.984.155
- Khấu hao trong kỳ	1.529.049.036	120.329.166	1.199.137.465	28.468.488	-	2.876.984.155
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	1.846.239.910	-	-	1.846.239.910
- Trả lại nhà nước	-	-	1.846.239.910	-	-	1.846.239.910
<i>Dư cuối năm</i>	14.292.240.457	756.786.108	15.785.272.562	234.092.685	-	31.068.391.812
Giá trị còn lại						
<i>Đầu năm</i>	14.470.411.234	2.916.193.058	7.839.744.449	163.487.639	78.626.159.000	104.015.995.380
<i>Cuối năm</i>	12.941.362.198	2.795.863.892	12.652.425.165	135.019.151	78.626.159.000	107.150.829.406

10. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	03/07/2017
Kinh phí công đoàn	-	14.679.820
Bảo hiểm xã hội	422.896.836	-
Bảo hiểm y tế	85.154.399	-
Bảo hiểm thất nghiệp	50.213.126	-
Phải trả nhà nước về cổ phần hóa (*)	1.895.748.658	18.658.702.000
Phải trả lao động đời dư khi cổ phần hóa	-	153.120.000
Phải trả các tổ chức, cá nhân về cổ phần hóa	144.620.000	144.620.000
Phải trả về tiền lãi phần vốn góp trong giai đoạn cổ phần hóa (**)	1.075.008.937	481.989.029
Dự án công viên Nguyễn Văn Cừ (bảo hành)	966.456.000	966.456.000
Công ty CP DVTM và TVXD Minh Quang (bảo hành)	751.653.000	751.653.000
Công ty xây dựng Việt Đức (bảo hành)	587.360.000	587.360.000
Khối lượng chưa quyết toán	521.738.000	521.738.000
Các đối tượng khác	477.128.954	684.335.369
Tổng cộng	6.977.977.910	22.964.653.218

10. Phải trả khác (tiếp)

- a) Phải trả ngắn hạn
(* Chi tiết phải trả về cổ phần hóa

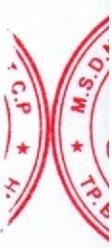
	<u>Số tiền</u>
Cổ phần phát hành thêm theo mệnh giá	20.348.460.000
Thặng dư vốn phát hành	347.598.000
Ưu đãi cho người lao động	(1.484.236.000)
Chi phí cổ phần hóa đã chi bằng tiền	(255.380.000)
Chi phí cho tổ giúp việc (trích)	(144.620.000)
Chi lao động dôi dư	(153.120.000)
Lũy kế phát sinh tới ngày 2/7/2017	18.658.702.000
Số dư tại ngày 3/7/2017	18.658.702.000

Quý đầu tư tăng trong giai đoạn chuyển đổi CPH phải trả NN
Chênh lệch giữa phần vốn NN khi XDGTĐN và phần vốn cổ phần của NN
Kết chuyển thu cổ phiếu phát hành theo mệnh giá sang vốn góp
Chi phí cổ phần hóa

1.567.072.108
2.018.406.550
(20.348.460.000)
28.000
(16.762.953.342)
1.895.748.658

Cộng phát sinh trong kỳ

Phải trả nhà nước về cổ phần hóa



13. Vốn chủ sở hữu"

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2017	23.137.979.520	-	11.229.621.339	5.877.943.491	-	-	40.245.544.350
- Lãi từ 1/1/2017-2/7/2017	-	-	-	-	-	1.676.609.820	1.676.609.820
- Trích quỹ đầu tư	-	-	-	251.491.474	-	(251.491.474)	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.425.118.346)	(1.425.118.346)
- Tặng khác	-	-	-	-	108.004.493	-	108.004.493
Số dư ngày 02/07/2017	23.137.979.520	-	11.229.621.339	6.129.434.965	108.004.493	-	40.605.040.317
Chuyển đổi sở hữu ngày 3/7/2017	23.137.979.520	-	11.229.621.339	6.129.434.965	108.004.493	-	40.605.040.317
- Hoàn nhập dự phòng phải thu	262.523.371	-	-	-	-	-	262.523.371
- TSCĐ không cần dùng	(85.601.410)	-	-	-	-	-	(85.601.410)
- Điều chỉnh theo quyết toán CPH	-	-	-	(44.943.620)	-	44.943.620	-
- Kết chuyển nguồn vốn	15.855.045.069	-	(11.229.621.339)	(4.517.419.237)	(108.004.493)	-	-
- Quỹ đầu tư tăng trong giai đoạn chuyển đổi phải trả NN	-	-	-	(1.567.072.108)	-	-	(1.567.072.108)
- Chênh lệch phần vốn nhà nước khi XDGTĐN và vốn cổ phần của NN	(2.018.406.550)	-	-	-	-	-	(2.018.406.550)
- Mệnh giá cổ phần phát hành thêm	20.348.460.000	-	-	-	-	-	20.348.460.000
Số dư sau bút toán chuyển đổi	57.500.000.000	-	-	-	-	44.943.620	57.544.943.620
- Lãi từ 3/7/2017-31/12/2017	-	-	-	-	-	1.937.717.854	1.937.717.854
Số dư ngày 31/12/2017	57.500.000.000	-	-	-	-	1.982.661.474	59.482.661.474

2. Số liệu đính chính lại

05. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/17		03/07/17	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
UBND phường Đại Phúc	279.600.000	83.880.000	(195.720.000)	279.600.000
Công ty TNHH MT Tân Trường Lộc	226.968.703	68.090.621	(158.878.082)	226.968.703
Tổng cộng	506.568.703	151.970.621	(354.598.082)	506.568.703
				0

07. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Công trình PLCC	Cộng
Nguyên giá						
<i>Dư đầu năm</i>	27.233.602.655	3.552.650.000	22.425.879.546	369.111.836	78.626.159.000	132.207.403.037
<i>Tăng trong năm</i>	-	-	6.011.818.181	-	-	6.011.818.181
- Mua sắm mới	-	-	6.011.818.181	-	-	6.011.818.181
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	-	-	-	-
- Trả lại nhà nước	-	-	-	-	-	-
<i>Dư cuối năm</i>	27.233.602.655	3.552.650.000	28.437.697.727	369.111.836	78.626.159.000	138.219.221.218
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Dư đầu năm</i>	12.763.191.421	636.456.942	14.586.135.097	205.624.197	-	28.191.407.657
<i>Tăng trong năm</i>	1.529.049.036	120.329.166	1.199.137.465	28.468.488	-	2.876.984.155
- Khấu hao trong kỳ	1.529.049.036	120.329.166	1.199.137.465	28.468.488	-	2.876.984.155
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	-	-	-	-
- Trả lại nhà nước	-	-	-	-	-	-
<i>Dư cuối năm</i>	14.292.240.457	756.786.108	15.785.272.562	234.092.685	-	31.068.391.812
Giá trị còn lại						
<i>Đầu năm</i>	14.470.411.234	2.916.193.058	7.839.744.449	163.487.639	78.626.159.000	104.015.995.380
<i>Cuối năm</i>	12.941.362.198	2.795.863.892	12.652.425.165	135.019.151	78.626.159.000	107.150.829.406

10. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn

	31/12/17	03/07/17
Kinh phí công đoàn	-	14.679.820
Bảo hiểm xã hội	422.896.836	-
Bảo hiểm y tế	85.154.399	-
Bảo hiểm thất nghiệp	50.213.126	-
Phải trả nhà nước về cổ phần hóa (*)	1.895.748.658	1.792.702.771
Phải trả lao động dôi dư khi cổ phần hóa	-	153.120.000
Phải trả các tổ chức, cá nhân về cổ phần hóa	144.620.000	144.620.000
Phải trả về tiền lãi phần vốn góp trong giai đoạn cổ phần hóa (**)	1.075.008.937	481.989.029
Dự án công viên Nguyễn Văn Cừ (bảo hành)	966.456.000	966.456.000
Công ty CP DVTM và TVXD Minh Quang (bảo hành)	751.653.000	751.653.000
Công ty xây dựng Việt Đức (bảo hành)	587.360.000	587.360.000
Khối lượng chưa quyết toán	521.738.000	521.738.000
Các đối tượng khác	477.128.954	684.335.369
Tổng cộng	6.977.977.910	6.098.653.989

10. Phải trả khác (tiếp)

- a) Phải trả ngắn hạn
(* Chi tiết phải trả về cổ phần hóa

	<u>Số tiền</u>
Cổ phần phát hành thêm theo mệnh giá	347.598.000
Thặng dư vốn phát hành	(1.484.236.000)
Ưu đãi cho người lao động	(255.380.000)
Chi phí cổ phần hóa đã chi bằng tiền	(144.620.000)
Chi phí cho tổ giúp việc (trích)	(153.120.000)
Chi lao động dôi dư	2.018.406.550
Chênh lệch phần vốn nhà nước khi XDGTĐN và vốn cổ phần của NN	85.601.410
Giá trị còn lại của PTVT không sử dụng	(110.552.760)
Trích lập bổ sung dự phòng phải thu	(123.010.157)
Thặng dư vốn phát hành (công ty giữ lại)	1.612.015.728
Kết chuyển Quỹ đầu tư phát triển	1.792.702.771
Lũy kế phát sinh tới ngày 2/7/2017	1.792.702.771
Số dư tại ngày 3/7/2017	1.792.702.771
Quỹ đầu tư tăng trong giai đoạn chuyển đổi CPH phải trả NN	(44.943.620)
Chênh lệch giữa phần vốn NN khi XDGTĐN và phần vốn cổ phần của NN	-
Kết chuyển thu cổ phiếu phát hành theo mệnh giá sang vốn góp	-
Chi phí cổ phần hóa	28.000
Thặng dư vốn phát hành (công ty giữ lại)	123.010.157
Giá trị còn lại của PTVT không sử dụng	(85.601.410)
Trích lập bổ sung dự phòng phải thu	110.552.760
Cộng phát sinh trong kỳ	103.045.887
Phải trả nhà nước về cổ phần hóa	1.895.748.658

13. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2017	23.137.979.520	-	11.229.621.339	5.877.943.491	-	-	40.245.544.350
- Lãi từ 1/1/2017-2/7/2017	-	-	-	-	-	1.676.609.820	1.676.609.820
- Trích quỹ đầu tư	-	-	-	251.491.474	-	(251.491.474)	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.425.118.346)	(1.425.118.346)
- Tăng khác	-	-	-	-	108.004.493	-	108.004.493
Số dư ngày 02/07/2017	23.137.979.520	-	11.229.621.339	6.129.434.965	108.004.493	-	40.605.040.317
Chuyển đổi sở hữu ngày 3/7/2017	23.137.979.520	-	11.229.621.339	6.129.434.965	108.004.493	-	40.605.040.317
- Hoàn nhập dự phòng phải thu	262.523.371	-	-	-	-	-	262.523.371
- TSCĐ không cần dùng	(85.601.410)	-	-	-	-	-	(85.601.410)
- Điều chỉnh theo quyết toán CPH	-	-	-	(44.943.620)	-	-	(44.943.620)
- Kết chuyển nguồn vốn	15.855.045.069	-	(11.229.621.339)	(4.517.419.237)	(108.004.493)	-	-
- Quỹ đầu tư tăng trong giai đoạn chuyển đổi phải trả NN	-	-	-	(1.567.072.108)	-	-	(1.567.072.108)
- Chênh lệch phần vốn nhà nước khi XDGTĐN và vốn cổ phần của NN	(2.018.406.550)	-	-	-	-	-	(2.018.406.550)
- Mệnh giá cổ phần phát hành thêm	20.348.460.000	-	-	-	-	-	20.348.460.000
- Thặng dư vốn cổ phần giữ lại	-	123.010.157	-	-	-	-	123.010.157
Số dư sau bút toán chuyển đổi	57.500.000.000	123.010.157	-	-	-	-	57.623.010.157
- Lãi từ 3/7/2017-31/12/2017	-	-	-	-	-	1.937.717.854	1.937.717.854
- Thặng dư vốn cổ phần trả về NN	-	(123.010.157)	-	-	-	(123.010.157)	(123.010.157)
- Điều chỉnh theo quyết toán CPH	-	-	-	-	-	44.943.620	44.943.620
Số dư ngày 31/12/2017	57.500.000.000	-	-	-	-	1.982.661.474	59.482.661.474

Giải thích số liệu được điều chỉnh trên Thuyết minh Báo cáo tài chính

Tại các mục thuyết minh số V.05; V07; V10 và V13: do kiểm toán viên chưa thực hiện điều chỉnh hồi tố các bút toán kế toán theo Quyết định về phê duyệt Giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa và các quyết định khác của đơn vị chức năng khi tiến hành thẩm tra Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm Công ty chính thức chuyển sang hình thức công ty cổ phần (tại ngày 03/07/2017). Sau khi điều chỉnh số liệu so sánh thì số liệu thuyết minh tại các mục tương ứng thay đổi theo.

Vấn đề cần nhấn mạnh: Số liệu tại thời điểm kết thúc năm tài chính (31/12/2017) trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 03/07/2017 đến ngày 31/12/2017 không thay đổi mặc dù số liệu so sánh thay đổi. Lý do là bởi các bút toán điều chỉnh hồi tố số đầu kỳ đã được kế toán công ty điều chỉnh vào Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 03/07/2017 đến ngày 31/12/2017.

Bằng công văn này, Chúng tôi xin thông báo đến Quý Sở và các cổ đông về thông tin đính chính về số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 03/07/2017 đến ngày 31/12/2017. Công văn này cần được đính kèm và đọc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 03/07/2017 đến ngày 31/12/2017.

Việc đính chính số liệu này không làm ảnh hưởng đến bất kỳ chỉ tiêu nào khác trên Báo cáo tài chính đã phát hành.

**Xác nhận của Công ty TNHH Kiểm toán
CPA VIETNAM**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tài Dũng

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số:05/2015/UQ-CPA VIETNAM
ngày 10/10/2015 của Tổng Giám đốc

**Công ty cổ phần Môi trường và Công trình
Đô thị Bắc Ninh**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ngô Minh Châu